

Số: /TTYT-TCHC-TCKT

Tu Mơ Rông, ngày tháng 5 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua thuốc phục vụ công tác khám chữa bệnh sử dụng quý II đợt 2 năm 2025, với nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Bùi Ánh Ngọc, Kế toán trưởng, Số điện thoại: 0362355557.

Địa chỉ email: Ngoihatinh.1984@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum (địa chỉ: Thôn Mô Pả, Xã Đăk Hà, Huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h00 phút ngày 6 tháng 5 năm 2025 đến trước 08h ngày 15 tháng 5 năm 2025. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 6 tháng 5 năm 2025.

II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Nội dung yêu cầu báo giá: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

2. Nội dung báo giá: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông kính mong nhận được sự phối hợp của các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang thông tin điện tử Trung tâm Y tế;
- Lưu: VT, TCHC-TCKT.

GIÁM ĐỐC

Đinh Thành Hải

(Mẫu)

Đơn vị:
Địa chỉ:
Số điện thoại/fax:

BẢNG BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số: /TTYT-TCHC-TCKT ngày 5/5/2025 của Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông, Tỉnh Kon Tum)

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Yêu cầu báo giá số:/TTYT-TCHC-TCKT ngày 5/5/2025 của Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum về việc đề nghị cung cấp báo giá “Mua thuốc phục vụ công tác khám chữa bệnh sử dụng quý II đợt 2 năm 2025” được đăng tải trên Website của Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum. Công ty chúng tôi xin trân trọng báo giá để quý đơn vị tham khảo, như sau:

TT	Tên danh mục thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Phân Nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật (TCKT)	Dạng bào chế	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VAT)	Thành tiền	Ghi chú
I . Thuốc hóa dược									
1	Aciclovir	200mg	2	Viên	Viên	1.400			
2	Aciclovir	400mg	2	Viên	Viên	600			
3	Aciclovir	5% x 5g	4	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	280			
4	Albendazol	400mg	4	Viên	Viên	10			
5	Alpha chymotrypsin	4,2mg (21microkats)	4	Viên	Viên	200			

6	Amoxicilin + Acid clavulanic	500mg + 62,5mg	4	Viên	Viên	10.000			
7	Amoxicilin + Acid clavulanic	250mg + 31,25mg	3	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói	18.000			
8	Amoxicillin	500mg	3	Viên nang	Viên	11.600			
9	Atorvastatin (*)	20mg	3	Viên	Viên	250			
10	Bacillus clausii	1.10 ⁹ - 2.10 ⁹ CFU	4	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói	7.000			
11	Bromhexin hydroclorid	8mg	2	Viên	Viên	1.300			
12	Budesonid	64mcg/liều xịt x 120liều	4	Thuốc xịt mũi	Chai/Lọ / Ống/Bình	5			
13	Captopril	25mg	1	Viên	Viên	12.000			
14	Cefamandol	1g	4	Thuốc tiêm	Chai/Lọ / Ống/Túi	100			
15	Cefuroxim	1g	4	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	450			
16	Celecoxib	200mg	4	Viên nang	Viên	350			
17	Cetirizin	10mg	4	Viên	Viên	100			
18	Ciprofloxacin	500mg	3	Viên	Viên	4.000			
19	Codein + Terpin hydrat	10mg + 100mg	4	Viên nang mềm	Viên	20.000			
20	Colchicin	1mg	4	Viên	Viên	200			

21	Chlorpheniramin (hydrogen maleat)	4mg	2	Viên	Viên	13.000			
22	Diclofenac	75mg/3ml	4	Thuốc tiêm	Ống	60			
23	Diclofenac	75mg	4	Viên	Viên	2.500			
24	Diphenhydramin	10mg	4	Thuốc tiêm	Ống	40			
25	Furosemid	10mg/ml x 2ml	1	Thuốc tiêm	Ống	50			
26	Furosemid	40mg	4	Viên	Viên	100			
27	Gelatin	4% x 500ml	1	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ / Ống/Túi	5			
28	Glucosamin	500mg	4	Viên	Viên	150			
29	Glucose khan + Natri clorid + Natri citrat+ Kali clorid	(4g + 0,7g + 0,58g + 0,3g)/5,6g	4	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói	4.440			
30	Glycerol	9g	4	Thuốc thụt hậu môn/Trực tràng	Tuýp	130			
31	Kẽm sulfat	10mg/5ml x 100ml	4	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/Lọ / Ống/Túi	180			
32	Levofloxacin	250mg	3	Viên	Viên	300			
33	Losartan	25mg	2	Viên	Viên	120			
34	Losartan + Hydrochlorothiazid	50mg +12,5mg	3	Viên	Viên	140			

35	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd	(800,4mg + 611,76mg)/10ml	4	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ	Gói	7.000			
36	Meloxicam (*)	7,5mg	4	Viên nang	Viên	3.460			
37	Metformin	500mg	4	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	300			
38	Metformin + Gliclazid	500mg + 80mg	5	Viên	Viên	500			
39	Methyl prednisolon	4mg	4	Viên nang	Viên	10.000			
40	N- Acetylcystein	200mg/5ml x 30ml	4	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/Lọ / Ống/Túi	100			
41	Natri clorid	0,9% x 500ml	1	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ / Ống/Túi	165			
42	Natri clorid	0,9%	4	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ	430			
43	Neomycin sulfat + Polymycin B sulfat + Nystatin	35.000 IU +35.000 IU + 100.000 IU	1	Viên nang mềm	Viên	852			
44	Nor-Epinephrin (Nor- adrenalin)	1mg/ml	4	Thuốc tiêm	Chai/Lọ /Ống/Túi	10			
45	Nước cất pha tiêm	10ml	4	Thuốc tiêm	Ống	500			
46	Nystatin	25.000UI	4	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng	Gói	240			

47	Paracetamol	500mg	2	Viên	Viên	20.000			
48	Paracetamol	150mg	3	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói	20.000			
49	Paracetamol (*)	1g/100ml	4	Thuốc tiêm	Chai/Lọ / Ống	20			
50	Paracetamol + Codein phosphat	500mg + 15mg	4	Viên	Viên	500			
51	Piracetam (*)	800mg	3	Viên	Viên	1.400			
52	Phytomenadion (vitamin K1)	10mg/ml	4	Thuốc tiêm	Ống	105			
53	Ringer lactat	500ml	4	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ / Túi	200			
54	Rotundin	60mg	4	Viên	Viên	500			
55	Salbutamol sulfat	5mg/2,5ml	4	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung	Chai/Lọ /Ống/Bì nh	30			
56	Sắt Fumarat + Acid folic	305mg + 350mcg	4	Viên	Viên	3.000			
57	Spiramycin + Metronidazol	750.000UI + 125mg	2	Viên	Viên	600			
58	Spironolacton + Furosemid	50mg + 20mg	2	Viên	Viên	50			
59	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	800mg + 160mg	4	Viên	Viên	2.700			
60	Vitamin A	5.000 UI	4	Viên	Viên	400			
61	Vitamin B1 + B6 + B12	100mg + 100mg + 150mcg	4	Viên	Viên	4.000			

62	Vitamin C	500mg	4	Viên	Viên	3.500			
63	Vitamin C	100mg/5ml x 5ml	4	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Ống	400			

II. Thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền

1	Cao đặc Actiso; Cao đặc rau đắng đất; Bột bìm bìm biếc	200 mg (tương đương 2,1g lá Actiso);150 mg (tương đương 1,6g rau đắng đất); 16 mg	Nhóm 3	Viên nang	Viên	4.800			
2	Mã tiền chế, Đương quy, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế chi, Độc hoạt, Thương truật, Thỏ Phục Linh		Nhóm 3	Viên	Viên	2.500			
3	Bạch truật, Đảng sâm, Ý dĩ, Liên nhục, Hoài sơn, Cát cánh, Sa nhân, Cam thảo, Bạch linh, Trần bì, Mạch nha	60ml	Nhóm 3	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch	Chai	380			
4	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dược, Nhục đậu khấu		Nhóm 3	Viên hoàn cứng	Viên	480			
5	Cao đặc rễ Đinh lăng, cao khô lá Bạch quả	300mg (tương đương 3g rễ đinh)	Nhóm 3	Viên nang	Viên	11.000			

		lăng); 100mg (tương đương không dưới 24% ginkgo flavonoid toàn phần)							
6	Sinh địa; Mạch môn; Huyền sâm; Bôi mẫu; Bạch thược; Mẫu đơn bì; Cam thảo	10ml	Nhóm 3	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch	Ống	11.000			
7	Ô đầu, Mã tiền/Địa liên, Thiên niên kiện, Quế nhục/Quế chi, Đại hồi, Huyết giác, Tinh dầu Long não, Methyl salicylat	(0,32g; 0,64g; 0,64g; 0,32g; 0,32g; 0,32g; 0,4ml; 2g)/40ml	Nhóm 3	Thuốc dùng ngoài	Chai	1.230			
		Tổng cộng 70 danh mục							

Số tiền bằng chữ:

Ghi chú:

- Giá trên đã bao gồm các loại thuế và chi phí vận chuyển.
- Hiệu lực của báo giá: 90 ngày./.

....., ngày... tháng.... năm

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CUNG CẤP GIÁ

(Ký, họ tên và đóng dấu)